CÔNG TY CP NHỰA VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Công Ty CP Nha Vit Nam
Digitally signed by Công Ty CP Nha Vit Nam
DN: CN=Công Ty CP Nha Vit Nam, O=MST: 0300381966, L=12/19/2014 6:52:03 PM, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2018/07/03 15:43:56 +07'00'

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội
Quý cổ đông Công ty CP Nhựa Việt Nam

Công ty: **CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**
Trụ sở chính: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Tp.HCM
Điện thoại: 028 – 39453301 – 39453302
Fax: 028 – 39453298
Người thực hiện công bố thông tin/người được ủy quyền: Trịnh Thị Mai Hương
Địa chỉ: 224 – Tổ 4 – Phường Kiến Hưng – Quận Hà Đông – TP.Hà Nội
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0901367123
Fax: 028 – 39453298
Loại thông tin công bố: (công ty đánh dấu X vào mục cần công bố) [x] 24h [ ] 72h [ ] Yêu cầu [ ] Bất thường [ ] Định kỳ
Nội dung thông tin công bố:

1. Công bố thông tin Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Nhựa Việt Nam
2. Công bố thông tin về việc bầu Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Nhựa Việt Nam nhiệm kỳ 2018-2023.
3. Công bố thông tin về việc bầu Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Nhựa Việt Nam nhiệm kỳ 2018-2023
4. Công bố thông tin về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Nhựa Việt Nam nhiệm kỳ 2018-2023-
5. Công bố thông tin về việc bầu Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Nhựa Việt Nam nhiệm kỳ 2018-2023
6. Công bố thông tin về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty CP Nhựa Việt Nam

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 29 tháng 06 năm 2018
Người thực hiện công bố thông tin
(ký, ghi rõ họ tên)

Trịnh Thị Mai Hương

CÔNG TY CP NHỰA VIỆT NAM

Số: 29 /NQ-NVN-ĐHĐCĐTN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

- *Căn cứ vào Luật doanh nghiệp năm 2014;*
- *Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam;*
- *Căn cứ vào Biên bản Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đã được Đại hội thông qua;*

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam được tiến hành vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 29 tháng 06 năm 2018 tại Hội trường Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam, ở số 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, có sự tham dự của 17 cổ đông và đại diện ủy quyền của cổ đông, đại diện sở hữu cho 14.279.842 cổ phần, chiếm tỷ lệ 73,49% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo thường niên năm 2017

Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo thường niên năm 2017, bao gồm:

1. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017;
2. Báo cáo Hội đồng quản trị năm 2017 và nhiệm kỳ 2013-2018;
3. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017;
4. Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017.

Tỷ lệ biểu quyết: 91,79% tán thành, 7,91% không tán thành, và 0,30% không có ý kiến.

Điều 2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ năm 2017

Đại hội đã biểu quyết thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

- Lợi nhuận trước thuế : 88,33 tỷ đồng

- Thuế TNDN 20%: 16,97 tỷ đồng
- Chia cổ tức 0 %: 0
- Phân phối Quỹ: 0
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối: 71,36 tỷ đồng

Tỷ lệ biểu quyết: 91,80% tán thành, 7,91% không tán thành, và 0,29% không có ý kiến.

Điều 3. Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2018, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018.

Đại hội đã biểu quyết thông qua kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2018, kế hoạch chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

- Doanh thu thuần Công ty mẹ : 138,00 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ : 8,60 tỷ đồng.
- Thuế TNDN 20% : 0 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ : 8,60 tỷ đồng.
- Chia cổ tức 0 % : 0
- Phân phối Quỹ : 0
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối : 8,60 tỷ đồng.

Tỷ lệ biểu quyết: 99,69% tán thành, 0% không tán thành, và 0,31% không có ý kiến

Điều 4. Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018

Đại hội đã biểu quyết thông qua danh sách công ty kiểm toán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty theo danh sách sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO);
- Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA Việt Nam)
- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)
- Công ty TNHH kiểm toán và Dịch vụ tin học TP.HCM (AISC);
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (VIETLAND).

Tỷ lệ biểu quyết: 100% tán thành, 0% không tán thành và 0% không có ý kiến.

Điều 5. Thông qua phương án chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018

Đại hội đã biểu quyết thông qua thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 như sau:

- Thù lao đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị là: 6.000.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị: 3.000.000 đồng/người/tháng.

- Thù lao đối với Trưởng Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao đối với thành viên Ban kiểm soát: 2.100.000 đồng/người/tháng.

Không chi trả thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách đã được hưởng lương từ công ty.

Tỷ lệ biểu quyết: 100% tán thành, 0% không tán thành và 0% không có ý kiến.

Điều 6. Thông qua toàn văn Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty

Đại hội đã biểu quyết thông qua toàn văn Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty theo tài liệu đính kèm Tờ trình của Hội đồng quản trị.

Tỷ lệ biểu quyết: 99,2% tán thành, 0% không tán thành và 0,8% không có ý kiến.

Điều 7. Thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Đại hội đã biểu quyết thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo tài liệu đính kèm Tờ trình của Hội đồng quản trị.

Tỷ lệ biểu quyết: 99,2% tán thành, 0% không tán thành và 0,8% không có ý kiến.

Điều 8. Thông qua kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị và kết quả bầu thành viên Ban kiểm soát

Đại hội đã bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023 đối với các ông/bà có tên sau đây:

1. Ông:	Lê Hoàng	- Thành viên Hội đồng quản trị.
2. Bà:	Lê Ngọc Diệp	- Thành viên Hội đồng quản trị.
3. Ông:	Phan Trung Nam	- Thành viên Hội đồng quản trị.
4. Bà	Vũ Thị Minh Thục	- Thành viên Hội đồng quản trị.
5. Ông:	Vũ Hân	- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
6. Ông:	Bùi Quốc Thịnh	- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

Đại hội đã bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 đối với các ông/bà có tên sau đây:

1. Ông:	Chu Thế Hoàng	- Thành viên Ban kiểm soát.
2. Ông:	Cao Minh Tâm	- Thành viên Ban kiểm soát.
3. Bà:	Âu Thị Chi	- Thành viên Ban kiểm soát.

Đại hội đã biểu quyết thông qua kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023 và thông qua kết quả bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023.

Tỷ lệ biểu quyết: 100% tán thành, 0% không tán thành và 0% không có ý kiến.

Điều 9. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội biểu quyết thông qua.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam thông qua.

Giao cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tổ chức, thực hiện các nội dung của Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0300381966 - C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM ★ QUẬN 4 - TP. HỒ CHÍ MINH

LÊ HOÀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2018
Số 28/BB - ĐHĐCĐ

BIÊN BẢN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Tên doanh nghiệp	: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
Địa chỉ trụ sở chính	: 300B Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh
Số Giấy CNĐKDN ngày 20/8/2013.	: 0300381966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp

I. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam được tổ chức vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 29 tháng 06 năm 2018 tại Hội trường Công ty CP Nhựa Việt Nam - 300B Nguyễn Tất Thành – Phường 13 – Quận 4 - Tp. Hồ Chí Minh.

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ

- Đại hội có sự tham dự của các Đại biểu:
  - Bà Lê Ngọc Diệp - Đại diện Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

    Ông Trần Xuân Dũng - Đại diện Đại diện Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.
  - Cùng với sự tham gia của đầy đủ các Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) và đông đảo các Quý Cổ đông của Công ty.

III. BAN TỔ CHỨC THÔNG QUA CÁC THỦ TỤC LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI

1. Kiểm tra tư cách đại biểu

Bà Trần Thị Phụng thay mặt Ban Kiểm tra tư cách đại biểu đã báo cáo kết quả kiểm tra tư cách đại biểu tham dự đại hội như sau:

Tính đến 8 giờ 30 phút ngày *29* tháng 06 năm 2018 có 17 cổ đông và người được cổ đông uỷ quyền tham dự Đại hội, đại diện sở hữu cho 14.279.842 cổ phần, chiếm tỷ lệ 73.49 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2018 của Công ty đủ điều kiện tiến hành.

2. Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu biểu quyết và Ban kiểm phiếu bầu.

Ban tổ chức đã giới thiệu nhân sự tham gia điều khiển Đại hội như sau:

2.1. Đoàn Chủ tịch

- Ông Lê Hoàng : Chủ tịch HĐQT - Chủ tịch đoàn,
- Ông Phan Trung Nam: : Tổng giám đốc - Thành viên,
- Bà Vũ Thị Minh Thục : Trưởng phòng KHĐT, thành viên HĐQT - Thành viên,

2.2. Ban Thư ký đại hội

- Ông Cao Duy Vương : Trưởng ban,
- Bà Hoàng Thị Phương Lan : Thành viên,

2.3. Ban kiểm phiếu biểu quyết và Ban kiểm phiếu bầu:

- Bà Trần Thị Phụng : Trưởng ban,
- Ông Phan Thanh Lâm : Thành viên,
- Bà Trịnh Thị Mai Hương : Thành viên.

Đại hội đã thông qua nhân sự điều khiển đại hội với kết quả biểu quyết như sau:

Tán thành:	14.279.842	cổ phần với tỷ lệ	100%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội
Không tán thành:	0	cổ phần với tỷ lệ	0%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội
Không có ý kiến:	0	cổ phần với tỷ lệ	0%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

Ban tổ chức mời Đoàn Chủ tịch và Ban thư ký tiến hành điều khiển Đại hội.

3. Quy chế làm việc của Đại hội

Bà Vũ Thị Minh Thục thay mặt Chủ tịch đoàn trình bày quy chế làm việc của Đại hội.

Đại hội đã thông qua quy chế làm việc của Đại hội với kết quả biểu quyết như sau:

Tán thành:	14.279.842	cổ phần với tỷ lệ	100%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội
Không tán thành:	0	cổ phần với tỷ lệ	0%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội
Không có ý kiến:	0	cổ phần với tỷ lệ	0%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

4. Chương trình làm việc của Đại hội

Bà Vũ Thị Minh Thục thay mặt Đoàn chủ tịch trình bày nội dung chương trình đại hội:

Chương trình của Đại hội bao gồm thảo luận và thông qua các vấn đề đã trình bày trong Báo cáo thường niên và trong Tờ trình gửi Đại hội, cụ thể gồm các nội dung sau:

- *Báo cáo của Hội đồng quản trị.*
- *Báo cáo của Ban Tổng giám đốc.*
- *Báo cáo của Ban kiểm soát.*
- *Báo cáo tài chính năm 2017 (đã kiểm toán).*
- *Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ năm 2017.*
- *Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2018*
- *Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2018.*
- *Phương án chi trả thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát năm 2018.*
- *Toàn văn Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty.*

- *Toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty.*

Đại hội đã thông qua chương trình của Đại hội với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Tán thành:	14.279.842 cổ phần với tỷ lệ	100%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội
Không tán thành:	0 cổ phần với tỷ lệ	0%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội
Không có ý kiến:	0 cổ phần với tỷ lệ	0%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

IV. NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI

1. Trình bày các Báo cáo.

- Ông Phan Trung Nam – Tổng giám đốc trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc công ty (đính kèm tài liệu Đại hội).
- Bà Trần Thị Phụng – Kế toán trưởng trình bày Báo cáo tài chính (đã kiểm toán) của Công ty (đính kèm tài liệu Đại hội).
- Ông Lê Hoàng – Chủ tịch Hội đồng quản trị trình bày Báo cáo của Hội đồng Quản trị (đính kèm tài liệu Đại hội).
- Ông Cao Minh Tâm – Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát.

2. Trình bày các nội dung trong Tờ trình:

Ông Phan Trung Nam đại diện Đoàn chủ tịch trình bày Tờ trình của Hội đồng quản trị (đính kèm tài liệu Đại hội).

3. Thảo luận các báo cáo và các vấn đề tại Tờ trình Đại hội đồng Cổ đông.

Đại hội đã tiến hành thảo luận các báo cáo, kết quả kinh doanh trong năm 2017, nhiệm kỳ 2013 – 2018; kế hoạch kinh doanh năm 2018, nhiệm kỳ 2018-2023 và một số nội dung được trình bày chi tiết trong tờ trình gửi Đại hội. Đại hội đã lắng nghe và Đoàn Chủ tịch giải đáp các ý kiến của Quý cổ đông tại Đại hội như sau:

- Cổ đông Vũ Thị Minh Thục (Mã số cổ đông: 556, đại diện sở hữu 4.222.133 cổ phần): tôi đề nghị bỏ quy định tại Điểm j Khoản 3 Điều 35 dự thảo Điều lệ vì nội dung này không quy định trong điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài Chính.

  → Ông Lê Hoàng trả lời: về quy định tại Điểm j Khoản 3 Điều 35 dự thảo Điều lệ không có trong điều lệ mẫu. Đây là quy định về chức năng, quyền hạn của Tổng giám đốc, vấn đề này thì chúng tôi xin ý kiến đại hội và do Đại hội quyết định.

- Cổ đông Công ty cổ phần Nhựa Vân Đồn do ông Võ Quang Lương đại diện (Mã số cổ đông: 554, đại diện sở hữu 1.141.000 cổ phần) có ý kiến: Tôi hoàn toàn đồng ý với các nội dung trong báo cáo đã được trình bày tại Đại hội, bên cạnh đó tôi cũng có một số ý kiến như sau:

  - Trên báo cáo kết quả kiểm toán công ty chưa thu thập được biên bản đối chiếu nợ phải thu của một số đối tượng tại thời điểm đầu năm 2017 và cuối năm 2017 lần lượt là 47,8 tỷ đồng và 50,8 tỷ đồng.

  → Ông Phan Trung Nam trả lời: Tại thời điểm tiến hành kiểm toán thì số công nợ này chủ yếu là công nợ của khách hàng Công ty cổ phần Nhựa Vân Đồn. Tuy chúng tôi đã yêu cầu đối chiếu nhiều lần nhưng Công ty cổ phần Nhựa Vân Đồn vẫn không gửi đối chiếu công nợ cho chúng tôi nên kiểm toán loại trừ. Tiện đây, tôi đề nghị cổ đông Công ty cổ phần Nhựa Vân Đồn phối hợp với chúng tôi tiến hành đối chiếu công nợ giữa hai bên.

- Về vấn đề cổ tức: Các cổ đông khi đầu tư đều mong muốn có cổ tức. Từ năm 2013 đến 2017, cổ tức đều bằng 0. Nhưng năm 2017, lãi của Công ty là 88 tỷ, HĐQT đề nghị cổ tức bằng 0 là không hợp lý, đề nghị Hội đồng quản trị xem xét lại.

➔ Ông Lê Hoàng trả lời: Vấn đề cổ tức, công ty chúng ta từ năm 2013 đến 2015 lỗ lũy kế là hơn 170 tỷ, đến năm 2016 bắt đầu có lợi nhuận khoảng 800 triệu và đến năm 2017, chúng ta có lợi nhuận sau thuế khoảng 71 tỷ. Số tiền lãi này được sử dụng để bù số lỗ lũy kế của các năm trước theo quy định. Đến nay, số lỗ lũy kế của Công ty vẫn còn khoảng 100 tỷ. Vì vậy mặc dù năm 2017 Công ty có lợi nhuận phát sinh nhưng vẫn không chia cổ tức được vì bù lỗ lũy kế theo quy định.

- Đánh giá kết quả SXKD hiệu quả thấp và có ảnh hưởng lớn từ vốn vay ODA do chúng ta phải trả nợ vốn vay ODA và phải thanh toán bằng đồng ngoại tệ. Từ lúc mua máy máy móc thiết bị ODA thì tỷ giá đồng nhân dân tệ là 2200 đồng/NDT đến nay tỷ giá là 3400 đồng/NDT. Bản thân Công ty cổ phần Nhựa Vân Dồn cũng bị ảnh hưởng từ việc chênh lệch tỷ giá. Đề nghị đơn vị quản lý vốn nhà nước xem xét về vấn đề này.

➔ Ông Lê Hoàng trả lời: Về vấn đề thiết bị vốn ODA, chúng tôi đã làm hồ sơ xin xử lý rủi ro từ 2017, vào thời điểm đó còn trực thuộc Bộ Công Thương, chúng tôi đang làm thì có sự chuyển giao sang SCIC và chúng tôi vẫn đang tiếp tục làm việc với Cục quản lý nợ Bộ Tài Chính, Ngân hàng phát triển Việt Nam xin xử lý về ODA theo 2 hướng: thứ nhất là xin xóa lãi và phí, thứ 2 là khoanh và giãn nợ gốc. Theo hợp đồng đã ký với ngân hàng thì đến 2021 chúng ta phải trả hết khoản nợ ODA là khoảng 132 tỷ. Vì vậy, chúng tôi đã đề nghị Bộ Tài Chính giãn nợ 7 năm hoặc 10 năm, kéo dài thời gian khấu hao và sau đó dùng một phần lợi nhuận để trả nợ ODA.

- Về thoái vốn: Tôi thấy hiện các công ty ngành nhựa đã được thoái vốn như Công ty Nhựa Bình Minh, Tân Tiến, duy nhất chỉ còn Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam vẫn chưa thoái vốn. Đề nghị Công ty quản lý vốn nhà nước thoái vốn tại Nhựa Việt Nam và thoái vốn của Nhựa Việt Nam tại Công ty cổ phần Nhựa Vân Đồn, vì rất nhiều doanh nghiệp muốn mua cổ phiếu của Nhựa Việt Nam tại Nhựa Vân Đồn.

➔ Ông Lê Hoàng trả lời: Đối với việc thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam thì tôi cũng đã trình bày với Đại hội đồng cổ đông, Chính phủ cũng đã có văn bản quyết định thoái vốn Công ty CP Nhựa Việt Nam. Hiện nay, SCIC cũng đang thực hiện việc thoái vốn nhà nước tại Công ty CP Nhựa Việt Nam. Với quan điểm của cá nhân tôi và kể cả Hội đồng quản trị thì chủ trương thoái vốn của nhà nước tại các doanh nghiệp nhựa là đúng. Chúng tôi ủng hộ và không có ý muốn kéo dài việc thoái vốn. Việc thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam thuộc thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền.

- Về công nợ giữa Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam và Công ty cổ phần Nhựa Vân Đồn thì chúng tôi đề nghị lãnh đạo hai bên cùng nhau giải quyết và hòa giải.

➔ Ông Lê Hoàng trả lời: Về vấn đề này được giải quyết theo quy định của hợp đồng ký kết giữa hai bên và quy định của Luật Thương mại. Hiện nay, Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam đã khởi kiện để yêu cầu tòa án giải quyết, nếu đưa ra Đại hội giải quyết là không hợp lý và không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Cổ đông Nguyễn Hồng Sơn (Mã số cổ đông: 144, đại diện sở hữu 115.100 cổ phần) có ý kiến: Giá trị tài sản cố định giảm 39,8 tỷ đồng tương ứng với 73% là do công ty đã nhượng bán nhà 39 Ngô Quyền Hà Nội và chuyển giá trị quyền sử dụng đất tại KCN Mỹ Phước II Bình Dương, tôi xin hỏi vậy giá trị chuyển nhượng chỉ có nhà 39 NGô Quyền hay cả đất Mỹ Phước.

➔ Ông Phan Trung Nam trả lời: Trong năm chỉ có chuyển nhượng tài sản duy nhất nhà 39 Ngô Quyền. Việc chuyển quyền thuê đất của Mỹ Phước, theo thông tư số 45 thì quyền thuê đất dài hạn có thời hạn sau năm 2014 thì không được hạch toán là tài sản cố định mà phải chuyển thành chi phí trả trước dài hạn, nên đây chỉ là bút toán của kế toán về việc chuyển từ tài sản cố định thành tài khoản chi phí trả trước dài hạn chứ không phải là hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

- ***Ghi nhận:***
  - ***Vào lúc 8h55 cổ đông (Mã số cổ đông: 157, sở hữu 100 cổ phần) ra về.***
  - ***Vào lúc 9h có thêm 3 cổ đông tham dự: CĐ Mã số 419 với 2000CP, CĐ mã số 50 với 6000CP, CĐ mã số 351 với 30.900CP.***
  - ***Vào lúc 9h15 có thêm 1 cổ đông tham dự, CĐ Mã số 144 với 115.100 CP.***
  - ***Vào lúc 9h57 cổ đông (Mã số cổ đông: 50, sở hữu 6000 cổ phần) ra về.***

4. Đại hội tiến hành biểu quyết các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Sau thời gian thảo luận sôi nổi, Đại hội đã tiếp thu ý kiến và tiến hành biểu quyết thông qua các vấn đề đã đưa ra thảo luận tại đại hội, kết quả biểu quyết từng vấn đề như sau (Biên bản kiểm phiếu đính kèm)

5.1. Thông qua báo cáo thường niên năm 2017.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo thường niên năm 2017 bao gồm:

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017;
- Báo cáo Hội đồng quản trị năm 2017 và nhiệm kỳ 2013 – 2018;
- Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017;
- Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

Kết quả biểu quyết Thông qua báo cáo thường niên năm 2017 của Công ty như sau:

Tán thành:	13.243.742	cổ phần với tỷ lệ	91,79%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội
Không tán thành:	1.141.000	cổ phần với tỷ lệ	7,91%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội
Không có ý kiến:	43.000	cổ phần với tỷ lệ	0,30%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

5.2 Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ năm 2017

- Lợi nhuận sau thuế thuộc về công ty mẹ: 71,36 tỷ đồng.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt: 0 %.
- Phân bổ cho các quỹ: 0 đồng.

Đại hội đã nhất trí thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017, kết quả biểu quyết như sau:

Tán thành:	13.244.742	cổ phần với tỷ lệ	91,80%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội
Không tán thành:	1.141.000	cổ phần với tỷ lệ	7,91%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội
Không có ý kiến:	42.000	cổ phần với tỷ lệ	0,29%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

5.3 Thông qua Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2018, số liệu như sau:

- Doanh thu thuần: 138 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ: 8,6 tỷ đồng.

- Thuế TNDN 20%: 0 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế thuộc về công ty mẹ: 8,6 tỷ đồng.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt: 0 %.
- Phân bổ cho các quỹ: 0 đồng
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối: 8,6 tỷ đồng

Đại hội đã nhất trí thông qua kế hoạch SXKD năm 2018, kế hoạch chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2018 của công ty với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Tán thành:	14.382.742	cổ phần với tỷ lệ	99,69%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội
Không tán thành:	0	cổ phần với tỷ lệ	0%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội
Không có ý kiến:	45.000	cổ phần với tỷ lệ	0,31%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

5.4. Thông qua danh sách công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO);
- Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA Vietnam);
- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA);
- Công ty TNHH kiểm toán và Dịch vụ tin học TP.HCM (AISC);
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (VIETLAND).

Đại hội đã nhất trí thông qua danh sách công ty kiểm toán năm 2018 và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2018 cho Công ty trong danh sách nêu trên, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Tán thành:	14.427.742	cổ phần với tỷ lệ	100%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội
Không tán thành:	0	cổ phần với tỷ lệ	0%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội
Không có ý kiến:	0	cổ phần với tỷ lệ	0%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

5.5. Thông qua phương án chi trả thù lao của HĐQT và BKS năm 2018

Đại hội đã biểu quyết thông qua thù lao của HĐQT và BKS năm 2018 như sau:

- Thù lao đối với Chủ tịch HĐQT là 6.000.000 đồng/người/tháng
- Thù lao đối với thành viên HĐQT 3.000.000 đồng/người/tháng
- Thù lao đối với Trưởng BKS: 3.000.000 đồng/người/tháng
- Thù lao đối với thành viên BKS: 2.100.000 đồng/người/tháng
- Không chi trả thù lao đối với thành viên HĐQT chuyên trách đã được hưởng lương từ Công ty.

Đại hội đã nhất trí thông qua Phương án chi trả thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018 với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Tán thành:	14.427.742	cổ phần với tỷ lệ	100%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội
Không tán thành:	0	cổ phần với tỷ lệ	0%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

Không có ý kiến: 0 cổ phần với tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

5.6. Thông qua toàn văn Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty

Đại hội đồng cổ đông đã thông qua toàn văn Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty CP Nhựa Việt Nam, tỷ lệ biểu quyết thông qua như sau:

Tán thành: 14.312.642 cổ phần với tỷ lệ 99,2% số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

Không tán thành: 0 cổ phần với tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

Không có ý kiến: 115.100 cổ phần với tỷ lệ 0,8% số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

5.7. Thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Đại hội đồng cổ đông đã thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty CP Nhựa Việt Nam, tỷ lệ biểu quyết thông qua như sau:

Tán thành: 14.312.642 cổ phần với tỷ lệ 99,2% số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

Không tán thành: 0 cổ phần với tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

Không có ý kiến: 115.100 cổ phần với tỷ lệ 0,8% số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

Ghi nhận:

Vào lúc 10h38 cổ đông có Mã số 419 với 2000 CP ra về

Vào lúc 10h41 cổ đông Mã số 515 với 3000 CP và cổ đông Mã số 349 với 40.000 CP ra về

Vào lúc 10h55 cổ đông có Mã số 144 với 115.100 CP ra về

6. Đại hội tiến hành bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023

Bà Trần Thị Phụng trình bày quy chế bầu cử của Đại hội *(quy chế đính kèm)*.

Ông Lê Hoàng đề nghị Đại hội biểu quyết thông qua quy chế bầu cử. Đại hội đã thông qua quy chế bầu cử với kết quả biểu quyết như sau:

Tán thành: 14.267.642 cổ phần với tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

Không tán thành: 0 cổ phần với tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

Không có ý kiến: 0 cổ phần với tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

Ông Lê Hoàng: Tính tới thời điểm này thì cổ đông chỉ mới đề cử tổng cộng 06 ứng viên thành viên Hội đồng quản trị (04 ứng viên vị trí thành viên Hội đồng quản trị, 02 ứng viên vị trí thành viên độc lập Hội đồng quản trị) và 01 ứng viên thành viên Ban kiểm soát. Do vậy, không đủ số ứng viên cần thiết để bầu thành viên Ban kiểm soát. Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam, đề nghị Đại hội tạm dừng trong giây lát để Ban kiểm soát đương nhiệm họp và đề cử ứng viên vị trí thành viên Ban kiểm soát.

Sau khi Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ông Cao Minh Tâm và bà Âu Thị Chi ứng cử vị trí thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023, ông Lê Hoàng đã trình bày danh sách ứng viên Hội đồng quản trị và danh sách ứng viên Ban kiểm soát như sau:

- Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Vị trí ứng cử
1	Lê Hoàng	*Thành viên Hội đồng quản trị.*
2	Phan Trung Nam	*Thành viên Hội đồng quản trị.*
3	Vũ Thị Minh Thục	*Thành viên Hội đồng quản trị.*

4	Lê Ngọc Diệp	*Thành viên Hội đồng quản trị.*
5	Vũ Hân	*Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.*
6	Bùi Quốc Thịnh	*Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.*

- Danh sách ứng viên Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Vị trí ứng cử
1	Cao Minh Tâm	Thành viên BKS
2	Chu Thế Hoàng	Thành viên BKS
3	Âu Thị Chi	Thành viên BKS

Ông Lê Hoàng đề nghị Đại hội biểu quyết thông qua danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị và danh sách ứng viên thành viên Ban kiểm soát với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Tán thành: 14.267.642 cổ phần với tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

Không tán thành: 0 cổ phần với tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

Không có ý kiến: 0 cổ phần với tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

Đại hội đã tiến hành bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2023 theo phương thức bầu dồn phiếu cho nhiệm kỳ năm 2018 - 2023.

Bà Trần Thị Phụng – Trưởng ban kiểm phiếu bầu trình bày kết quả bầu cử như sau (Biên bản kiểm phiếu bầu đính kèm):

- Kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ (%)
1	Lê Hoàng	*23.711.950*	*166,19*
2	Phan Trung Nam	*16.567.550*	*116,12*
3	Vũ Thị Minh Thục	*15.925.950*	*111,62*
4	Lê Ngọc Diệp	*17.486.750*	*122,56*
5	Vũ Hân	*6.593.580*	*46,21*
6	Bùi Quốc Thịnh	*5.320.072*	*37,29*

- Kết quả bầu thành viên Ban kiểm soát

- Stt	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ (%)
1	Cao Minh Tâm	16.720.950	117,20
2	Chu Thế Hoàng	18.414.100	129,06
3	Âu Thị Chi	7.667.876	53,74

Căn cứ Quy chế bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 Công ty CP Nhựa Việt Nam thông qua thì các ông/bà trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát như sau:

- Danh sách thành viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2013:

Stt	Họ và tên	Ghi chú
1	Lê Hoàng	*Thành viên Hội đồng quản trị.*
2	Phan Trung Nam	*Thành viên Hội đồng quản trị.*
3	Vũ Thị Minh Thục	*Thành viên Hội đồng quản trị.*
4	Lê Ngọc Diệp	*Thành viên Hội đồng quản trị.*
5	Vũ Hân	*Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.*
6	Bùi Quốc Thịnh	*Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.*

- Danh sách thành viên trúng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2013:

Stt	Họ và tên	Ghi chú
1	Cao Minh Tâm	*Thành viên BKS*
2	Chu Thế Hoàng	*Thành viên BKS*
3	Âu Thị Chi	*Thành viên BKS*

Ông Lê Hoàng đề nghị Đại hội biểu quyết thông qua kết quả bầu cử và danh sách trúng cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2013 với kết quả biểu quyết như sau:

Tán thành:	14.267.642	cổ phần với tỷ lệ	100%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội
Không tán thành:	0	cổ phần với tỷ lệ	0%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội
Không có ý kiến:	0	cổ phần với tỷ lệ	0%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

Ông Lê Hoàng đề nghị các thành viên Hội đồng quản trị và thành Ban kiểm soát mới trúng cử ra mắt đại hội.

Ông Lê Hoàng thay mặt Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 phát biểu cám ơn các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2013-2018. Đồng thời, ông Lê Hoàng phát biểu sẽ cố gắng thực hiện các nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 2018-2023.

7. Biểu quyết thông qua Biên bản đại hội

Ông Cao Duy Vương thay mặt Ban thư ký trình bày nội dung Biên bản đại hội.

Đại hội đã biểu quyết thông qua biên bản, kết quả biểu quyết như sau:

Tán thành:	14.267.642	cổ phần với tỷ lệ	100%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội
Không tán thành:	0	cổ phần với tỷ lệ	0%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội
Không có ý kiến:	0	cổ phần với tỷ lệ	0%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

8. Biểu quyết thông qua nghị quyết đại hội

Ông Phan Trung Nam thay mặt Đoàn chủ tịch trình bày nội dung Nghị quyết Đại hội.

Đại hội đã biểu quyết thông qua nghị quyết Đại hội với kết quả biểu quyết như sau:

Tán thành:	14.267.642	cổ phần với tỷ lệ	100%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội
Không tán thành:	0	cổ phần với tỷ lệ	0%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội
Không có ý kiến:	0	cổ phần với tỷ lệ	0%	số CP có quyền biểu quyết tại đại hội

Ông Lê Hoàng phát biểu bế mạc Đại hội.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam được lập lúc 13 giờ 20 phút ngày 29 tháng 06 năm 2018.

Biên bản được lập với chữ ký của Chủ tọa và Ban Thư ký như dưới đây.

BAN THƯ KÝ		T/M ĐOÀN CHỦ TỊCH Chủ tọa
CAO DUY VƯƠNG	HOÀNG THỊ PHƯƠNG LAN	LÊ HOÀNG

CÔNG TY CP NHỰA VIỆT NAM

Số: 28A/2018/BB-ĐHĐCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2018

BIÊN BẢN KIỂM TRA TÍNH HỢP LỆ CỦA CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Vào hồi 8 giờ 30 phút, ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại Hội trường lầu 3 Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam, số 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh. Ban kiểm tra tính hợp lệ của cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam gồm:

1. Bà: Trần Thị Phụng - Trưởng ban
2. Ông Phan Thanh Lâm - Ủy viên
3. Bà Trịnh Thị Mai Hương - Ủy viên

- Tổng số cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách vào ngày 01 tháng 06 năm 2018 là: 566 cổ đông
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 19.428.913 cổ phần

  Trong đó:

  + Tổng số cổ phần sở hữu trực tiếp tham dự: 14.045.642 cổ phần

  + Tổng số cổ phần ủy quyền tham dự: 234.200 cổ phần

Tổng số cổ phần của các cổ đông và đại diện cổ đông tham dự đại hội là **14.279.842** cổ phần, chiếm **79,49 %** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Sau khi kiểm tra, tất cả 17 cổ đông và đại diện cổ đông có đủ tư cách dự họp.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ban hành ngày 26/11/2014; Luật chứng khoán số 76/2006/QH11 ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua và Điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam;

Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đủ điều kiện để tiến hành đại hội.

Danh sách các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được đính kèm theo biên bản này.

Biên bản này được lập hồi 08 **giờ 30** phút, ngày 29 tháng 6 năm 2018.

BAN KIỂM TRA

Ủy Viên	**Ủy Viên**	**Trưởng ban**
Phan Thanh Lâm	**Trịnh Thị Mai Hương**	**Trần Thị Phụng**

CÔNG TY CP NHỰA VIỆT NAM

Số: 285./2018/BBKP-ĐHĐCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2018

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
CÁC NỘI DUNG TRONG TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam.

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Mã số doanh nghiệp: 0300381966.

Vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 6 năm 2018, các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã tiến hành Biểu quyết các nội dung trong Tờ trình của HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam theo Phương thức biểu quyết: Bỏ phiếu kín.

Ban kiểm phiếu do Đại hội bầu gồm các ông (bà):

1. Bà Trần Thị Phụng - Trưởng ban
2. Ông Phan Thanh Lâm - Ủy viên
3. Bà Trịnh Thị Mai Hương - Ủy viên

Đã tiến hành kiểm phiếu biểu quyết kết quả như sau:

- Tổng số cổ đông tham dự/ ủy quyền tham dự đại hội là: 21 cổ đông.
- Tổng số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội là: 14.433.842 cổ phần, tương ứng với: 14.433.842 phiếu biểu quyết.
- Tổng số cổ đông tham gia biểu quyết là: 19 cổ đông.
- Tổng số cổ phần của cổ đông tham gia biểu quyết là 14.427.742 cổ phần, tương ứng với: 14.427.742 phiếu biểu quyết. Chiếm tỷ lệ: 99,96 % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự đại hội.

1. Báo cáo thường niên năm 2017, gồm:

1.1. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017;

1.2. Báo cáo Hội đồng quản trị năm 2017 và nhiệm kỳ 2013-2018;

1.3. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017 và nhiệm kỳ 2013-2018;

1.4. Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017;

Kết quả:

Số phiếu hợp lệ	14.427.742	phiếu	Tỷ lệ 100 %
Số phiếu không hợp lệ	0	phiếu	Tỷ lệ 0 %
Số phiếu tán thành	13.243.742	phiếu	Tỷ lệ 91,79%
Số phiếu không tán thành	1.141.000	phiếu	Tỷ lệ 7,91%
Số phiếu không có ý kiến	43.000	phiếu	Tỷ lệ 0,30 %

2. Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ năm 2017

Kết quả:

Số phiếu hợp lệ	14.427.742	phiếu	Tỷ lệ 100 %
Số phiếu không hợp lệ	0	phiếu	Tỷ lệ 0 %
Số phiếu tán thành	13.244.742	phiếu	Tỷ lệ 91,80 %
Số phiếu không tán thành	1.141.000	phiếu	Tỷ lệ 7,91 %
Số phiếu không có ý kiến	42.000	phiếu	Tỷ lệ 0,29 %

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018.

Kết quả:

Số phiếu hợp lệ	14.427.742	phiếu	Tỷ lệ 100 %
Số phiếu không hợp lệ	0	phiếu	Tỷ lệ 0 %
Số phiếu tán thành	14.382.742	phiếu	Tỷ lệ 99,69 %
Số phiếu không tán thành	0	phiếu	Tỷ lệ 0%
Số phiếu không có ý kiến	45.000	phiếu	Tỷ lệ 0,31%

4. Lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018

Kết quả:

Số phiếu hợp lệ	14.427.742	phiếu	Tỷ lệ 100 %
Số phiếu không hợp lệ	0	phiếu	Tỷ lệ 0 %
Số phiếu tán thành	14.427.742	phiếu	Tỷ lệ 100 %
Số phiếu không tán thành	0	phiếu	Tỷ lệ 0 %
Số phiếu không có ý kiến	0	phiếu	Tỷ lệ 0 %

5. Phương án chi trả thù lao của HĐQT và BKS năm 2018

Kết quả:

Số phiếu hợp lệ	14.427.742	phiếu	Tỷ lệ 100 %
Số phiếu không hợp lệ	0	phiếu	Tỷ lệ 0 %
Số phiếu tán thành	14.427.742	phiếu	Tỷ lệ 100 %
Số phiếu không tán thành	0	phiếu	Tỷ lệ 0 %
Số phiếu không có ý kiến	0	phiếu	Tỷ lệ 0 %

6. **Toàn văn Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty**

Kết quả:

Số phiếu hợp lệ	14.427.742	phiếu	Tỷ lệ 100 %
Số phiếu không hợp lệ	0	phiếu	Tỷ lệ 0 %
Số phiếu tán thành	14.312.642	phiếu	Tỷ lệ 99,20 %
Số phiếu không tán thành	0	phiếu	Tỷ lệ 0 %
Số phiếu không có ý kiến	115.100	phiếu	Tỷ lệ 0,80 %

7. **Toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty**

Kết quả:

Số phiếu hợp lệ	14.427.742	phiếu	Tỷ lệ 100 %
Số phiếu không hợp lệ	0	phiếu	Tỷ lệ 0 %
Số phiếu tán thành	14.312.642	phiếu	Tỷ lệ 99,20 %
Số phiếu không tán thành	0	phiếu	Tỷ lệ 0 %
Số phiếu không có ý kiến	115.100	phiếu	Tỷ lệ 0,80 %

Danh sách các cổ đông tham gia biểu quyết được đính kèm Biên bản này.

Biên bản này được lập hồi 10 giờ 20 phút, ngày 29 tháng 6 năm 2018.

BAN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT

Trịnh Thị Mai Hương	**Phan Thanh Lâm**	**Trần Thị Phụng**

CÔNG TY CP NHỰA VIỆT NAM

Số: 08C./2018/BBKP-ĐHĐCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng 6 năm 2018

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2018 – 2023

I. BAN KIỂM PHIẾU BẦU

Ban kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam bầu gồm các ông (bà):

1. Bà Trần Thị Phụng - Trưởng ban
2. Ông Phan Thanh Lâm - Ủy viên
3. Bà Trịnh Thị Mai Hương - Ủy viên

II. NỘI DUNG

Ban kiểm phiếu bầu đã tiến hành kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát với kết quả như sau:

1. Kết quả kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị

- Tổng số cổ đông tham dự/ ủy quyền tham dự đại hội là: 21 cổ đông.
- Tổng số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội là: 14.433.842 cổ phần.
- Tổng số cổ đông tham gia bầu cử là: 15 cổ đông.
- Tổng số cổ phần của cổ đông tham gia bầu cử là 14.267.642 cổ phần, tương ứng với tổng số phiếu bầu là: 85.605.852 phiếu bầu.
- Tổng số phiếu bầu hợp lệ là: 85.605.852 phiếu bầu.
- Tổng số phiếu bầu không hợp lệ là: 0 phiếu bầu.
- Số phiếu bầu cụ thể của các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Stt	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ %
1	Lê Hoàng	23.711.950	166,19
2	Phan Trung Nam	16.567.550	116,12
3	Vũ Thị Minh Thục	15.925.950	111,62
4	Lê Ngọc Diệp	17.486.750	122,56
5	Vũ Hân	6.593.580	46,21
6	Bùi Quốc Thịnh	5.320.072	37,29

Căn cứ Quy chế bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam thông qua thì các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023 đã được bầu bao gồm:

STT	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
1	Lê Hoàng	*Thành viên Hội đồng quản trị*
2	Phan Trung Nam	*Thành viên Hội đồng quản trị*
3	Vũ Thị Minh Thục	*Thành viên Hội đồng quản trị*
4	Lê Ngọc Diệp	*Thành viên Hội đồng quản trị*
5	Vũ Hân	*Thành viên độc lập Hội đồng quản trị*
6	Bùi Quốc Thịnh	*Thành viên độc lập Hội đồng quản trị*

2. Kết quả kiểm phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát

- Tổng số cổ đông tham dự/ ủy quyền tham dự đại hội là: 21 cổ đông.
- Tổng số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội là: 14.433.842 cổ phần.
- Tổng số cổ đông tham gia bầu cử là: 15 cổ đông.
- Tổng số cổ phần của cổ đông tham gia bầu cử là 14.267.642 cổ phần, tương ứng với tổng số phiếu bầu là: 42.802.926 phiếu bầu.
- Tổng số phiếu bầu hợp lệ là: 42.802.926 phiếu bầu.
- Tổng số phiếu bầu không hợp lệ là: 0 phiếu bầu.
- Số phiếu bầu cụ thể của các ứng viên thành viên Ban kiểm soát như sau:

Stt	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ %
1	Cao Minh Tâm	16.720.950	117,20
2	Chu Thế Hoàng	18.414.100	129,06
3	Âu Thị Chi	7.667.876	17,91

Căn cứ Quy chế bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam thông qua thì các thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 đã được bầu bao gồm:

STT	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
1	Cao Minh Tâm	Thành viên ban kiểm soát
2	Chu Thế Hoàng	Thành viên Ban kiểm soát
3	Âu Thị Chi	Thành viên Ban kiểm soát

Biên bản này được lập hồi 12 giờ 30 phút, ngày 29 tháng 6 năm 2018.

BAN KIỂM PHIẾU BẦU

Trịnh Thị Mai Hương	Phan Thanh Lâm	Trần Thị Phụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

TP. HỒ CHÍ MINH, NGÀY 29 THÁNG 06 NĂM 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

Điều 37. Kiểm soát viên

Điều 38. Ban kiểm soát

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

Điều 46. Năm tài chính

Điều 47. Chế độ kế toán

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

Điều 49. Báo cáo thường niên

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

Điều 53. Gia hạn hoạt động

Điều 54. Thanh lý

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày ... tháng 06 năm 2018.

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
   a. *"Vốn điều lệ"* là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
   b. *"Luật doanh nghiệp"* là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
   c. *"Luật chứng khoán"* là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
   d. *"Ngày thành lập"* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
   e. *"Người điều hành doanh nghiệp"* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
   f. *"Người có liên quan"* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
   g. *"Cổ đông lớn"* là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
   h. *"Thời hạn hoạt động"* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
   i. *"Việt Nam"* là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II: THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
   - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
   - Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: VIETNAM PLASTIC CORPORATION
   - Tên giao dịch: VIETNAM PLASTIC CORPORATION

- Tên Công ty viết tắt: VINAPLAST CORP.

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: 300B Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, Tp. Hồ chí Minh
- Điện thoại: (84-28) 3945 3301 / 3945 3302 / 3945 3303
- Fax: (84-28) 3945 3298
- E-mail: vinaplast@vinaplast.com.vn
- Website: www.vinaplast.com.vn
- Logo của Công ty:

VINAPLAST

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 02 (Hai) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty trong các trường hợp sau:

- Thay mặt Hội đồng quản trị ký kết các văn bản, tài liệu, hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Ký kết các văn bản, tài liệu thuộc quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Ký duyệt báo cáo tài chính và các báo cáo, bảng, biểu liên quan đến báo cáo tài chính của Công ty.
- Đại diện Công ty trong các giao dịch góp vốn, mua bán cổ phần, mua bán phần vốn góp tại các doanh nghiệp, tổ chức khác. Ký kết các văn bản, tài liệu liên quan đến quan hệ góp vốn, mua cổ phần đối với doanh nghiệp, tổ chức khác.

- Đại diện Công ty trong quan hệ đối với cổ đông của Công ty. Ký kết các văn bản, tài liệu liên quan đến quan hệ đối với cổ đông của Công ty.

- Đại diện Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán. Đại diện Công ty trong quan hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật.

- Đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án hoặc cơ quan tiến hành tố tụng khác. Đại diện cho Công ty với tư cách người được thi hành án, người phải thi hành án trước cơ quan thi hành án.

- Đại diện cho Công ty trong các quan hệ hành chính, hình sự, khiếu nại, tố cáo đối với cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp khác.

b. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty trong các trường hợp sau:

- Ký kết các văn bản, tài liệu, hợp đồng thuộc quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc.

- Đại diện Công ty trong quan hệ tín dụng và các giao dịch khác đối với ngân hàng.

- Đại diện cho Công ty trong các quan hệ dân sự, thương mại đối với cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp khác.

- Đại diện cho Công ty trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Đại diện theo pháp luật của Công ty có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty được quy định tại Điều 14 Luật doanh nghiệp.

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm từ plastic. *Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ nhựa phục vụ cho các ngành công nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (Không sản xuất tại trụ sở Công ty); Chế tạo khuông mẫu, thiết bị và phụ tùng ngành nhựa (Không hoạt động tại trụ sở).*	2220
2	Đại lý, môi giới, đấu giá.	4610

	Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hóa.	
3	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. *Chi tiết: Tổ chức hội chợ, triển lãm. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.*	8230
4	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: Dịch vụ tư vấn đầu tư (Trừ tư vấn tài chính, kế toán).*	6619
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. *Chi tiết:Mua bán các sản phẩm từ nhựa, gỗ, giấy phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (Không mua bán băng đĩa nhạc, hình tại trụ sở Công ty). Mua bán các loại nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, vật tư ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm. Bán buôn phân bón. Bán buôn phế liệu (Không hoạt động tại trụ sở).*	4669
6	In ấn. *Chi tiết: In ấn trên bao bì nhựa, gỗ, giấy (Không hoạt động tại trụ sở).*	1811
7	Quảng cáo. *Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo.*	7310
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. *Chi tiết: Cho thuê bãi đậu xe. Kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.*	6810
9	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện. *Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (Không sản xuất tại trụ sở Công ty).*	1629
10	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ giấy phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (Không sản xuất tại trụ sở Công ty).*	1709
11	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. *Chi tiết: Mua bán các sản phẩm từ nhựa, gỗ, giấy phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (Không mua bán băng đĩa nhạc, hình tại trụ sở Công ty). Mua bán các loại nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, vật tư ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn*	4773

	hóa phẩm.	
12	Tái chế phế liệu. *Chi tiết: Tái chế phế liệu nhựa, gỗ (Không hoạt động tại trụ sở).*	3830
13	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. *Chi tiết: Nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ mới.*	7210
14	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dung hữu hình khác. *Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp. Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng. Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính).*	7730
15	Sản xuất thiết bị điện khác. *Chi tiết: Sản xuất chuỗi cách điện polymer, vật cách điện, dây dụng cụ, dây phục trợ và các bộ dây điện khác với dây và kết nối cách điện (Không hoạt động tại trụ sở).*	2790
16	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
17	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
18	Bốc xếp hành hóa.	5224
19	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
20	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. *Chi tiết:Giao nhận hàng hóa, gửi hàng, thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn.*	5229
21	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. *Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (Trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.*	4620
22	Bán buôn thực phẩm (Không hoạt động tại trụ sở).	4632
23	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh).	4722
24	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (Không hoạt động tại trụ sở).	1020
25	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Không hoạt động tại trụ sở).	1080

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Mục tiêu hoạt động của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển các nguồn lực; cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng; cải thiện điều kiện làm việc, ổn định cuộc sống cho người lao động; đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 194.289.130.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm chín mươi tư tỷ hai trăm tám mươi chín triệu một trăm ba mươi ngàn đồng chẵn)*.

   Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 19.428.913 cổ phần *(Bằng chữ: Mười chín triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn chín trăm mười ba cổ phần)* với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm và là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp năm 2014 và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và tiền lãi phát sinh theo lãi suất 12%/năm *(mười hai phần trăm mỗi năm)* kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
   a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
   b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
   d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
   e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
   f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ *(bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí)* và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
   a. Vi phạm pháp luật;
   b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
   c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
   a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
   b. Báo cáo tài chính quý, 06 (sáu) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
   c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
   d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
   e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
   f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
   a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
   b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
   c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
   d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
   a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
   b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
   c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
   d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
   e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
   f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
   g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

l. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư *(nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)*.

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

   a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

   b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

   c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

   Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
   a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 (năm) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
   b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
   c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
   d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
   e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
   f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
   g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông *(tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)*. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
   a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
   b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
   c. Phiếu biểu quyết;
   d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
   e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
   a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

   Ban kiểm phiếu tiến hành thu phiếu biểu quyết sau khi cổ đông biểu quyết các nội dung được biểu quyết tại đại hội. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu, thống kê số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến, không hợp lệ đối với từng vấn đề được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết. Ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu, chủ tọa phải thông báo kết quả kiểm phiếu trước đại hội.

   Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

   Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

   a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

   b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

   c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự *(hoặc tiếp tục tham dự)* đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

    a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

    b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

       Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 01 (một) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tán thành:

   a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

   b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

   c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tán thành.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

   b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư:

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử:

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

   b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

   c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

   d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

   e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

   f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

   g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

   h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

   i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

   Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

   a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

   b. Trình độ học vấn;

   c. Trình độ chuyên môn;

   d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Đại hội đồng cổ đông quyết định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị của mỗi nhiệm kỳ.

   Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

   a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

   b. Có đơn từ chức;

   c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

   d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

   e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, người đại diện vốn của Công ty tại tổ chức, doanh nghiệp khác và quyết định mức lương của họ;

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, người đại diện vốn của Công ty tại tổ chức, doanh nghiệp khác;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

p. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật doanh nghiệp.

q. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư, bán số tài sản không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10 (mười) tỷ đồng hoặc các khoản đầu tư, bán số tài sản thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách mà có phát sinh vượt quá 10% tổng giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị tiến hành bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ

phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

   a. Ban kiểm soát;

   b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;

   c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

   d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

   e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

   a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

   b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

      Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết.

   a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

   b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

   c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

   d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Trưởng tiểu ban trong số các thành viên độc lập Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

   a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
   a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
   b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
   c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
   d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
   e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
   f. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cử người điều hành doanh nghiệp tại Công ty hoặc tham gia điều hành tại doanh nghiệp, tổ chức khác, trừ trường hợp người điều hành do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc cử. Quyết định thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp do Tổng giám đốc bổ nhiệm hoặc cử.
   g. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
   h. Vào tháng 12 dương lịch hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
   i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

j. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với giao dịch đầu tư, bán tài sản của Công ty và các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 162 của Luật doanh nghiệp.

k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

   a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

   b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

   a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

   b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

   c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
   a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
   b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
   d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
   a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
   b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
   c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
   a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
   b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
   c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
   d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
   e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
   f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
   a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp

đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII: CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
   a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
   b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
   d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
   a. Các chi phí thanh lý;
   b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
   c. Nợ thuế;
   d. Các khoản nợ khác của Công ty;
   e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:
   a. Cổ đông với Công ty;
   b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

   Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra tòa án để yêu cầu giải quyết.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của tòa án được thực hiện theo phán quyết của tòa án.

CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam nhất trí thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2018 tại địa chỉ số 300B Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này thay thế Điều lệ công ty đã được thông qua trước đây.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CHỦ TỊCH HĐQT	TỔNG GIÁM ĐỐC
M.S.D.N: 0300381966 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM QUẬN 4 - TP. HỒ CHÍ MINH	
Lê Hoàng	PHAN TRUNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 29/NQ-ĐHĐCĐ ngày29 tháng 06 năm 2018 của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam)

- *Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật hướng dẫn;*
- *Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;*
- *Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;*
- *Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam.*

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông. Đồng thời, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và những người điều hành khác của Công ty.
2. Quy chế này được áp dụng cho tất cả các cổ đông và/hoặc các thành viên không phải là cổ đông song có tham gia vào việc quản lý điều hành hoạt động của Công ty và là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Quản trị công ty" là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Công khai minh bạch các hoạt động của công ty;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát.

b. "Công ty" là Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam

c. "Người có liên quan" là tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.

d. "HĐQT" có nghĩa là Hội đồng quản trị

g. "BKS" có nghĩa là Ban kiểm soát

h. "ĐHĐCĐ" có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông

i. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

j. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

3. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định trong quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách).

Thông báo thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp được đăng tải trên website Công ty và gửi cho ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong đó nêu rõ đường dẫn tới toàn bộ tài liệu họp. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận,

bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp:

c. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

d. Phiếu biểu quyết

e. Mẫu ủy quyền của người dự họp. Mẫu ủy quyền được coi là hợp lệ khi đó là mẫu của Công ty, được đóng dấu treo của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau:

- Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.
- Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- Các trường hợp Giấy ủy quyền được lập thành văn bản không theo mẫu của Công ty sẽ do Chủ tọa đại hội toàn quyền quyết định tính hợp lệ của Giấy ủy quyền đó.

Một người có thể làm đại diện theo ủy quyền cho một hoặc nhiều cổ đông.

2. Trong trường hợp cần thiết có thể áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCD tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tiến hành đăng ký cổ đông tham dự ĐHĐCĐ sẽ được Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trong đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Trong trường hợp cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã đượ biểu quyết trước đó không thay đổi.

Việc bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội sẽ được thực hiện theo các hình thức dưới đây:

1. Bỏ phiếu biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu kín hoặc giơ tay biểu quyết để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Bỏ phiếu biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu trong ĐHĐCĐ

- Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu biểu quyết kết thúc và được tiến hành ở một phòng riêng có sự giám sát của đại diện cổ đông hoặc đại diện Đoàn chủ tịch.
- Ban kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu biểu quyết.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, Trưởng ban kiểm phiếu đọc biên bản kiểm phiếu trước đại hội.

  Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được ban kiểm phiếu làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

- Sau khi quá trình kiểm phiếu biểu quyết hoàn thành Ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu.
- Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu đọc biên bản kiểm phiếu trực tiếp tại đại hội. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến, số phiếu ý kiến khác đối với từng vấn đề.

Điều 9. Cách thức phản đối biên bản, Nghị quyết của ĐIIĐCĐ

1. Cổ đông biểu quyết phản đối Nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần của từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết về các vấn đề nêu trên.

   Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
2. Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định Luật doanh nghiệp và của Điều lệ công ty, trừ trường hợp các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tán thành.

b. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

3. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của Tòa án hoặc Trọng tài về việc hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và ngày và nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chủ toạ và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký của chủ toạ và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau, trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi Biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

1. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết và phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong thời gian chậm nhất 15 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến để cổ

đông có đủ thời gian xem xét và biểu quyết. Yêu cầu và cách thức gửi Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 4 – Quy chế này.

3. Phiếu lấy ý kiến do Công ty phát hành phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, ngày và nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, ngày và nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

b. Thông qua định hướng phát triển công ty;

c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

đ. Quyết định dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản dược ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

h. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

i. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

j. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Thành viên Hội quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 2 Quy chế này.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Công ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị của công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.
5. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 14. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được các ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu

làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ, tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên;

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 114 Luật doanh nghiệp thì Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên cho đủ số lượng cần thiết. Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị được đề cử hoặc ứng cử phải được công bố và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

4. Ứng viên thành viên Hội đồng quản trị phải có mặt và được giới thiệu trong Đại hội cổ đông trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo phê chuẩn của Đại hội đồng

cổ đông. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn xin từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 17. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải được gửi tới các bên có liên quan, đăng thông tin trên website và công bố thông tin theo quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG IV: HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó.

2. Thông báo mời họp phải được làm bằng tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của các thành viên.

3. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại công ty.

Điều 19. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ 2 trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

3. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều

kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.

b. Phát biểu với tất cả thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Điều 20. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết các nội dung cuộc họp theo hình thức giơ tay biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
2. Thành viên không trực tiếp dự họp có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện thử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Điều 21. Cách thức thông qua Nghị quyết của HĐQT

Quyết định, nghị quyết của HĐQT được thông qua trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là quyết định cuối cùng.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 22. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi Biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 23. Thông báo Nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết của HĐQT được gửi tới các bên liên quan, đăng thông tin trên website của Công ty và công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG V: BAN KIỂM SOÁT

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện như quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 14 Quy chế này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên cho đủ số lượng cần thiết. Danh sách ứng viên Ban kiểm soát được đề cử hoặc ứng cử phải được công bố và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 25. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác.

c. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác;

d. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Kiểm soát viên Công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

3. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện tại khoản 1, 2 Điều này và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 26. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 27. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

Điều 28. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Quyết định về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được gửi tới các bên

liên quan, đăng thông tin trên website của Công ty và công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI: CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29 . Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ hoạt động của HĐQT như các tiểu ban phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các tiểu ban khác.

Điều 30. Cơ cấu các tiểu ban và tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban.

1. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng ít nhất là ba (03) người bao gồm thành viên HĐQT và thành viên bên ngoài.
2. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên độc lập HĐQT làm trưởng ban các tiểu ban.
3. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban do HĐQT quyết định.

Điều 31. Trách nhiệm của các tiểu ban

Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

Việc thực thi quyết định của HĐQT hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 32. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Tiêu chuẩn của Tổng giám đốc Công ty

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.

b. Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

c. Không được là vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại Công ty.

d. Các tiêu chuẩn khác theo Điều lệ Công ty.

2. Tiêu chuẩn của người điều hành khác của doanh nghiệp (trừ Tổng giám đốc): do HĐQT quyết định.

Điều 33. Việc bổ nhiệm người điều hành của doanh nghiệp

1. Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc

   HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc.

2. Việc bổ nhiệm người điều hành khác của doanh nghiệp

   Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, công ty được tuyển dụng người điều hành khác của doanh nghiệp với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ

cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

Điều 34. Ký hợp đồng với người điều hành doanh nghiệp

1. Đối với Tổng giám đốc doanh nghiệp

   HĐQT ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc Công ty, trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.

   Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Đối với người điều hành khác của doanh nghiệp

   HĐQT ký hợp đồng lao động với người điều hành khác, trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.

   Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. Đối với Tổng giám đốc doanh nghiệp

HĐQT miễn nhiệm Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

a. Không có đủ điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 Quy chế này.

b. Có đơn xin nghỉ việc.

2. Đối với người điều hành khác của doanh nghiệp

a. Có đơn xin nghỉ việc.

b. Không đáp ứng được yêu cầu của công việc hoặc không hoàn thành được công việc được phân công.

Điều 36. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp được thông báo tới các bên liên quan, đăng thông tin trên website của Công ty và công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 37. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các Kiểm soát viên theo điều kiện như trường hợp gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết. Kết quả họp của Hội đồng quản trị phải được thông báo cho Kiểm soát viên.

2. Tổng giám đốc có thể được mời họp Hội đồng quản trị theo cách thức mời họp đối với thành viên Hội đồng quản trị. Trong cuộc họp Hội đồng quản trị thì Tổng giám đốc được phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết các vấn đề của cuộc họp. Kết quả họp Hội đồng quản trị phải được thông báo ngay cho Tổng giám đốc để triển khai, thực hiện.

Điều 38. Gửi nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

Tất cả các nghị quyết của HĐQT sẽ được chuyển đến cho Ban kiểm soát và Tổng giám

đốc trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày ban hành nghị quyết.

Điều 39. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến của HĐQT.

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT khi có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc.

Đề nghị của Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận.

Điều 40. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo với Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn đã được giao theo quy định nội bộ Công ty.

Điều 41. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

Căn cứ vào kết quả thực hiện, Hội đồng quản trị tổ chức họp kiểm điểm đối với Tổng giám đốc về việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc theo quy định nội bộ công ty.

Điều 42. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo:

a. Vào tháng 12 dương lịch hàng năm, Tổng giám đốc trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm;

b. Báo cáo dự toán dài hạn, hàng năm, hàng quý của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm, hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính;

c. Các báo cáo khác khi được yêu cầu.

2. Tổng giám đốc phải cung cấp thông tin trong phạm vi cho phép của mình, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng khi HĐQT hoặc Ban kiểm soát yêu cầu Tổng giám đốc cung cấp thông tin. Tất cả các thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện bằng văn bản và được gửi đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong thời gian sớm nhất.

Điều 41. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc.

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện cho nhau làm việc theo đúng Điều lệ công ty, các quy định nội bộ và kế hoạch kinh doanh chung của Công ty.

2. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc sẽ không can thiệp vào công việc điều hành của nhau.

3. Trong một số trường hợp cần thiết, các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát có thể thông tin cho Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, Trưởng ban kiểm soát hoặc tất cả để giải quyết công việc một cách kịp thời, hiệu quả.

CHƯƠNG IX: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.

Điều 42. Phương thức và tiêu chí đánh giá hoạt động

1. Phương thức đánh giá hoạt động

   Tùy thuộc vào quyết định của HĐQT, công tác đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

a. Tự nhận xét, đánh giá;

b. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;

c. Cách thức khác do HĐQT lựa chọn

2. Tiêu chí đánh giá hoạt động

   Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác do HĐQT quyết định.

Điều 43. Thẩm quyền và nguyên tắc, hình thức, trình tự khen thưởng, kỷ luật

1. HĐQT có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm
2. Tổng giám đốc có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các cán bộ đảm nhiệm và chức danh quản lý do Tổng giám đốc bổ nhiệm
3. Nguyên tắc, hình thức, trình tự khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý của Công ty thực hiện theo quy chế về khen thưởng, kỷ luật do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.

Điều 44. Khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT

1. Đánh giá hoạt động: HĐQT sẽ kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên (bao gồm cả Chủ tịch HĐQT) theo định kỳ (06 tháng hoặc hàng năm), dựa theo chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của HĐQT.
2. Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, HĐQT có quyền sử dụng một phần tổng chi phí HĐQT, Ban kiểm soát hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua để chi thưởng cho các thành viên và xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật và quy chế khen thưởng kỷ luật của HĐQT.
3. Kỷ luật: HĐQT chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của HĐQT. Các thành viên HĐQT có thể bị kỷ luật theo Quy chế khen thưởng kỷ luật của HĐQT hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 45. Khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát

1. Đánh giá hoạt động: Ban kiểm soát sẽ kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên (bao gồm cả Trưởng Ban kiểm soát) theo định kỳ (06 tháng hoặc hàng năm), dựa theo chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát.
2. Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, Trưởng Ban kiểm soát sẽ đề nghị HĐQT thẩm định và quyết định sử dụng một phần tổng chi phí HĐQT, Ban kiểm soát hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua để chi thưởng cho các thành viên và

xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật và quy chế khen thưởng kỷ luật của HĐQT.

3. Kỷ luật: Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát có thể bị kỷ luật theo Quy chế khen thưởng kỷ luật của HĐQT hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 46. Khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng giám đốc

1. Đánh giá hoạt động: HĐQT sẽ đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng giám đốc theo định kỳ (06 tháng hoặc hàng năm), trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, có tham khảo ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát.
2. Khen thưởng: HĐQT sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho Tổng giám đốc Công ty theo chính sách đã thiết lập và thỏa thuận trước. Chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý Công ty. HĐQT có quyền sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi để chi khen thưởng chung, trong đó có Tổng giám đốc và xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật và quy chế khen thưởng kỷ luật của HĐQT.
3. Kỷ luật: Tổng giám đốc chịu sự điều hành và giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có thể bị kỷ luật theo Quy chế khen thưởng kỷ luật của HĐQT hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 47. Khen thưởng, kỷ luật đối với người điều hành doanh nghiệp khác

1. Đánh giá hoạt động: Việc đánh giá hoạt động đối với người điều hành doanh nghiệp khác được thực hiện theo định kỳ (06 tháng hoặc hàng năm), trên cơ sở các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng lao động và được ký kết giữa Công ty và người điều hành doanh nghiệp khác.
2. Khen thưởng: HĐQT sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho người điều hành doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng giám đốc và theo chính sách khen thưởng của Công ty. Chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý Công ty. HĐQT có quyền sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi để chi khen thưởng chung, trong đó có người điều hành doanh nghiệp khác và xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật và quy chế khen thưởng kỷ luật của HĐQT.
3. Kỷ luật: Người điều hành doanh nghiệp khác có thể bị kỷ luật theo Quy chế khen thưởng kỷ luật của HĐQT hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 48. Trách nhiệm về thiệt hại

Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có hành vi vi phạm gây thiệt hại cho Công ty sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG X: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 49. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Là người có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

Điều 50. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.

Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.

Nhiệm kỳ của người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.

Điều 51. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

HĐQT có thể miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty khi cần thiết.

Điều 52. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty được gửi tới các bên liên quan, đăng thông tin trên website của Công ty và công bố theo quy định của pháp luật

CHƯƠNG XI: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi quy chế nội bộ về quản trị công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này sẽ do HĐQT xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG XII: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 12 chương 54 điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2018 tại trụ sở chính của Công ty ở số 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
2. Quy chế này thay thế Quy chế quản trị nội bộ của Công ty trước đây.
3. Các bản sao hoặc trích lục quy chế này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc chữ ký của tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT.

CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 0300381966 C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM QUẬN 4 - TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Hoàng